

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2018

Phiếu số 1A.8/ĐTDN-BH

Mã số thuế

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM VÀ MÔI GIỚI BẢO HIỂM Năm 2017

(Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm)

Tên doanh nghiệp/cơ sở:

Địa chỉ:

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Ngành SXKD chính:

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | |
|--|--|--|--|--|

(VSIC 2007-Cấp 5)

Tổng số lao động thời điểm 01/01/2017:

| |
|--|
| |
|--|

Người

Trong đó: Nữ

| |
|--|
| |
|--|

Người

Tổng số lao động thời điểm 31/12/2017:

| |
|--|
| |
|--|

Người

Trong đó: Nữ

| |
|--|
| |
|--|

Người

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Tên chỉ tiêu | Mã số | Thực hiện năm 2017 |
|--|-------|--------------------|
| A | B | I |
| 1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=02+03-04) | 01 | |
| Trong đó: + Phí bảo hiểm gốc | 02 | |
| + Phí nhận tái bảo hiểm | 03 | |
| + Tăng (giảm) dự phòng phí (chưa được hưởng) bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 04 | |
| 2. Phí nhượng tái bảo hiểm | 05 | |
| 3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần | 06 | |
| 4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 07 | |
| 5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm (08=06+07) | 08 | |
| 6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (09=10-11) | 09 | |
| Trong đó: + Tổng chi bồi thường | 10 | |
| + Các khoản giảm trừ | 11 | |
| 7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 12 | |
| 8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (nghịệp vụ) bảo hiểm gốc và (nghịệp vụ) nhận tái bảo hiểm | 13 | |
| 9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 14 | |
| 10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm và trả tiền bảo hiểm (15=9-12+13-14) | 15 | |
| 11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn | 16 | |
| 12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 17 | |

| | | |
|---|----|--|
| 13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động môi giới bảo hiểm (18=15+16+17) | 18 | |
| 14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm (19=08-18) | 19 | |
| 15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 20 | |
| 16. Giá vốn bất động sản đầu tư | 21 | |
| 17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21) | 22 | |
| 18. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | |
| 19. Chi phí hoạt động tài chính | 24 | |
| 20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24) | 25 | |
| 21. Chi phí bán hàng hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm | 26 | |
| 22. Chi phí quản lý doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm | 27 | |
| 23. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm (28=19+22+25-26-27) | 28 | |
| 24. Thu nhập khác | 29 | |
| 25. Chi phí khác | 30 | |
| 26. Lợi nhuận khác (31=29-30) | 31 | |
| 27. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm (32=28+31) | 32 | |
| 28. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 33 | |
| 29. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 34 | |
| 30. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (35=32-33-34) | 35 | |
| 31. Lãi trên cổ phiếu | 36 | |
| 32. Thuế GTGT phát sinh phải nộp | 37 | |

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI

5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động môi giới bảo hiểm

+ *Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm:*

Là tổng số doanh thu phí bảo hiểm, hoa hồng bảo hiểm và các khoản thu khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm sau khi trừ (-) các khoản giảm phí, giảm hoa hồng, hoàn phí, hoàn hoa hồng, phí nhượng tái bảo hiểm và sau khi điều chỉnh các khoản tăng giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, tăng giảm dự phòng phí *nhượng tái bảo hiểm* đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong kỳ báo cáo hoặc sau khi điều chỉnh các khoản tăng, giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và *nhận tái bảo hiểm* đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ trong kỳ báo cáo.

+ *Đối với hoạt động môi giới bảo hiểm:*

Là số thu nhập của hoạt động kinh doanh môi giới bảo hiểm, được tính bằng cách lấy tổng thu hoa hồng môi giới bảo hiểm và thu khác hoạt động môi giới bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ (giảm hoa hồng môi giới, hoàn hoa hồng môi giới) để tính kết quả kinh doanh trong năm.

10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm và trả tiền bảo hiểm

Đối với DNBH phi nhân thọ: Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng chi phí bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ sau khi trừ (-) các khoản thu giảm chi phí bồi thường bảo hiểm, thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm và sau khi điều chỉnh các khoản tăng giảm dự phòng bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm, tăng giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ báo cáo.

Đối với DNBH nhân thọ: Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm của DNBH nhân thọ sau khi trừ (-) các khoản thu giảm chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm (như thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm) và sau khi điều chỉnh các khoản tăng giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ báo cáo.

13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động môi giới bảo hiểm

+ *Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm:*

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ: Là tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, bao gồm các khoản chi bồi thường, tăng giảm dự phòng dao động lớn và các khoản chi khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ: Là tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bao gồm các khoản chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm, tăng giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc, tăng giảm dự phòng nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm và các khoản chi phí khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

+ *Đối với hoạt động môi giới bảo hiểm:*

Là tổng chi phí trực tiếp của hoạt động môi giới bảo hiểm tính trừ vào kết quả hoạt động kinh doanh môi giới bảo hiểm trong năm, bao gồm:

- Chi môi giới bảo hiểm;
- Chi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- Chi khác hoạt động kinh doanh môi giới bảo hiểm.

21. Chi phí bán hàng hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản chi phí liên quan đến quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bảo hiểm và môi giới bảo hiểm: Chi phí nhân viên, chi phí vật tư văn phòng, chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí quản lý đại lý bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

23. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động môi giới bảo hiểm

Là kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được tính toán trên cơ sở lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm cộng (+) lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản cộng (+) lợi nhuận gộp hoạt động tài chính trừ (-) chi phí bán hàng - chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo.

31. Lãi trên cổ phiếu: Là lợi nhuận sau khi trừ tất cả các khoản chi phí bao gồm thuế, lợi ích cổ đông thiểu số và cổ tức ưu đãi trên số bình quân gia quyền lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại.